

KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ CHO TRẺ ĐẶC BIỆT GIAI ĐOẠN 4–6 TUỔI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Bùi Thị Huyền
Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh

Tóm tắt: Kỹ năng tự phục vụ là một trong những năng lực nền tảng giúp trẻ hình thành tính tự lập và khả năng hòa nhập xã hội, đặc biệt đối với trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng kỹ năng tự phục vụ của trẻ đặc biệt trong độ tuổi 4–6 và đề xuất các giải pháp giáo dục phù hợp. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp hỗn hợp, bao gồm khảo sát 120 trẻ và phỏng vấn 15 giáo viên tại một số cơ sở giáo dục mầm non khu vực miền Bắc Việt Nam. Kết quả cho thấy 68,3% trẻ gặp khó khăn ở ít nhất một kỹ năng tự phục vụ, trong đó kỹ năng vệ sinh cá nhân và mặc quần áo là hạn chế nhất. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các biện pháp can thiệp theo hướng cá nhân hóa, tăng cường hỗ trợ trực quan và phối hợp gia đình – nhà trường.

Từ khóa: kỹ năng tự phục vụ; trẻ đặc biệt; giáo dục hòa nhập.

SELF – SERVICE SKILLS FOR CHILDREN WITH SPECIAL NEEDS AGED 4-6: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Abstract: Self-service skills are fundamental competencies that help children develop independence and social integration, especially for children with special needs. This study aims to assess the current situation of self-service skills among children aged 4–6 with special needs and propose appropriate educational solutions. A mixed-method approach was employed, including a survey of 120 children and interviews with 15 teachers in Northern Vietnam. The results indicate that 68.3% of children experience difficulties in at least one self-care skill, particularly in personal hygiene and dressing. Based on these findings, the study proposes individualized interventions, enhanced visual supports, and stronger collaboration between families and schools.

Keywords: self-service skills; special needs children; inclusive education.

Nhận bài: 14/03/2026

Phản biện: 16/04/2026

Duyệt đăng: 19/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục hòa nhập ngày càng phát triển tại Việt Nam, việc phát triển kỹ năng sống cho trẻ mầm non, đặc biệt là trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt, đã trở thành một trong những mục tiêu trọng tâm của hệ thống giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Trong đó, kỹ năng tự phục vụ được xem là nền tảng quan trọng giúp trẻ hình thành tính tự lập và khả năng thích nghi xã hội (World Health Organization [WHO], 2012).

Các nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng trẻ có nhu cầu đặc biệt, đặc biệt là trẻ tự kỷ hoặc chậm phát triển trí tuệ, thường gặp khó khăn trong việc thực hiện các hoạt động sinh hoạt cơ bản như ăn uống, mặc quần áo và vệ sinh cá nhân (Smith, 2020; Brown, 2017). Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến sự phát triển cá nhân mà còn tác động tiêu cực đến khả năng hòa nhập xã hội của trẻ (American Psychiatric Association [APA], 2013).

Tại Việt Nam, mặc dù giáo dục hòa nhập đã được triển khai rộng rãi, nhưng việc phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ đặc biệt vẫn chưa được chú trọng một cách hệ thống (Nguyễn Thị Hòa, 2018). Nhiều giáo viên và phụ huynh vẫn chưa có phương pháp phù hợp để hỗ trợ trẻ, dẫn đến tình trạng trẻ phụ thuộc vào người lớn trong các hoạt động hàng ngày.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm:

- (1) Đánh giá thực trạng kỹ năng tự phục vụ của trẻ đặc biệt giai đoạn 4–6 tuổi;
- (2) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng;
- (3) Đề xuất các giải pháp giáo dục phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm và đặc điểm trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt

Theo APA (2013), trẻ có nhu cầu đặc biệt là những trẻ có rối loạn phát triển ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và chức năng xã hội. Nhóm này bao gồm trẻ tự kỷ, chậm phát triển trí tuệ, rối loạn ngôn ngữ và các dạng khuyết tật khác.

Những trẻ này thường có đặc điểm:

- Khó khăn trong giao tiếp và tương tác xã hội
- Hạn chế trong nhận thức và xử lý thông tin
- Khó hình thành thói quen và kỹ năng tự lập

Những đặc điểm này khiến việc phát triển kỹ năng tự phục vụ trở nên phức tạp hơn so với trẻ bình thường (Brown, 2017).

2.2. Khái niệm kỹ năng tự phục vụ

Kỹ năng tự phục vụ được hiểu là khả năng cá nhân tự thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng

ngày mà không cần sự hỗ trợ từ người khác (WHO, 2012). Các kỹ năng này bao gồm:

- Ăn uống
- Vệ sinh cá nhân
- Mặc quần áo
- Sắp xếp đồ dùng

Theo Smith (2020), đây là nhóm kỹ năng nền tảng trong phát triển hành vi thích nghi và có mối liên hệ chặt chẽ với khả năng độc lập của trẻ trong tương lai.

2.3. Các nghiên cứu liên quan

Nghiên cứu của Brown (2017) cho thấy việc sử dụng phương pháp phân tích nhiệm vụ (task analysis) giúp cải thiện đáng kể khả năng thực hiện kỹ năng tự phục vụ của trẻ. Smith (2020) cũng nhấn mạnh rằng hỗ trợ trực quan (visual supports) đóng vai trò quan trọng trong việc giúp trẻ hiểu và ghi nhớ trình tự hành động.

Tại Việt Nam, Nguyễn Thị Hòa (2018) cho rằng việc dạy kỹ năng tự phục vụ còn mang tính tự phát, thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể. Điều này cho thấy cần có các nghiên cứu thực nghiệm để xây dựng mô hình giáo dục phù hợp.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Kỹ năng	Tốt (%)	Trung bình (%)	Chưa đạt (%)
Ăn uống	52,5	32,5	15,0
Vệ sinh cá nhân	28,3	41,7	30,0
Mặc quần áo	25,0	40,0	35,0
Sắp xếp đồ dùng	38,3	36,7	25,0

Kết quả cho thấy trẻ gặp nhiều khó khăn ở kỹ năng đòi hỏi phối hợp vận động và nhận thức, đặc biệt là mặc quần áo và vệ sinh cá nhân.

2.5.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng trẻ đặc biệt gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển kỹ năng tự phục vụ, đặc biệt là các kỹ năng liên quan đến chuỗi hành động phức tạp. Điều này phù hợp với lý thuyết phát triển hành vi thích nghi của WHO (2012).

So sánh với nghiên cứu của Brown (2017), kết quả cho thấy điểm tương đồng về vai trò của hỗ trợ trực quan trong việc cải thiện khả năng học kỹ năng. Tuy nhiên, nghiên cứu này bổ sung thêm bằng chứng trong bối cảnh Việt Nam, nơi yếu tố gia đình đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Một phát hiện đáng chú ý là 80% giáo viên cho rằng phụ huynh có xu hướng làm thay trẻ. Điều này có thể làm giảm cơ hội thực hành và cản trở sự hình thành tính tự lập (Nguyễn Thị Hòa, 2018).

Bên cạnh những kết quả đã trình bày, nghiên

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-method), kết hợp định lượng và định tính nhằm đảm bảo tính toàn diện và độ tin cậy của kết quả (Creswell, 2014).

Đối tượng nghiên cứu

- 120 trẻ đặc biệt (4–6 tuổi)
- 15 giáo viên mầm non

Công cụ nghiên cứu

Bảng hỏi được xây dựng dựa trên tiêu chí của WHO (2012), gồm 4 nhóm kỹ năng. Thang đo Likert 3 mức được sử dụng để đánh giá.

Độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha) đạt 0.82, cho thấy mức độ tin cậy tốt.

Phương pháp thu thập dữ liệu

- Khảo sát
- Quan sát
- Phỏng vấn

Phân tích dữ liệu

- Thống kê mô tả (%)
- Phân tích nội dung

2.5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.5.1. Thực trạng kỹ năng tự phục vụ

Nghiên cứu này cung cấp thêm một số góc nhìn quan trọng về bản chất của khó khăn trong việc hình thành kỹ năng tự phục vụ ở trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Trước hết, sự chênh lệch giữa các nhóm kỹ năng cho thấy rằng không phải tất cả các kỹ năng tự phục vụ đều phát triển đồng đều. Kỹ năng ăn uống – một hoạt động mang tính lặp lại cao và có sự hỗ trợ trực tiếp từ người lớn từ sớm – có xu hướng được hình thành tốt hơn. Ngược lại, các kỹ năng như mặc quần áo và vệ sinh cá nhân đòi hỏi chuỗi hành động phức tạp, khả năng lập kế hoạch và phối hợp vận động tinh, nên trở thành rào cản lớn đối với trẻ đặc biệt.

Kết quả này có thể được lý giải dựa trên lý thuyết về chức năng điều hành (executive function), trong đó nhấn mạnh vai trò của trí nhớ làm việc, khả năng kiểm soát hành vi và lập kế hoạch trong việc thực hiện các hoạt động nhiều bước (Diamond, 2013). Trẻ có nhu cầu đặc biệt thường gặp hạn chế ở các chức năng này, dẫn đến khó khăn trong việc hoàn thành các nhiệm vụ tự

phục vụ một cách độc lập. Điều này cũng phù hợp với nhận định của Smith (2020), khi tác giả cho rằng mức độ phức tạp của nhiệm vụ là yếu tố quyết định khả năng thực hiện kỹ năng tự phục vụ.

Một điểm đáng chú ý khác là vai trò của môi trường giáo dục và gia đình. Nghiên cứu cho thấy sự phụ thuộc của trẻ không chỉ xuất phát từ đặc điểm cá nhân mà còn bị duy trì bởi cách thức hỗ trợ từ người lớn. Khi phụ huynh hoặc giáo viên thường xuyên làm thay, trẻ mất đi cơ hội thực hành và củng cố kỹ năng. Theo quan điểm của Vygotsky về “vùng phát triển gần” (Zone of Proximal Development), sự hỗ trợ của người lớn cần được điều chỉnh ở mức vừa đủ để trẻ có thể tự hoàn thành nhiệm vụ với sự hướng dẫn, thay vì thay thế hoàn toàn (Vygotsky, 1978). Điều này cho thấy việc hỗ trợ quá mức có thể vô tình làm chậm quá trình phát triển kỹ năng tự lập.

Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc thiếu các công cụ hỗ trợ trực quan trong giảng dạy là một hạn chế phổ biến trong thực tiễn giáo dục mầm non tại Việt Nam. Trong khi đó, nhiều nghiên cứu quốc tế đã chứng minh hiệu quả của các phương tiện trực quan như hình ảnh, sơ đồ hoặc video trong việc giúp trẻ đặc biệt hiểu và ghi nhớ trình tự hành động (Brown, 2017). Việc tích hợp các công cụ này vào hoạt động giảng dạy không chỉ giúp trẻ tiếp thu tốt hơn mà còn giảm gánh nặng hướng dẫn trực tiếp từ giáo viên.

Từ góc độ thực tiễn, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng việc phát triển kỹ năng tự phục vụ cần được tiếp cận theo hướng cá nhân hóa. Mỗi trẻ có mức độ phát triển và nhu cầu khác nhau, do đó việc áp dụng một phương pháp chung cho tất cả sẽ không mang lại hiệu quả tối ưu. Giáo viên cần đánh giá khả năng của từng trẻ để thiết kế hoạt động phù hợp, đồng thời theo dõi tiến trình phát triển để điều chỉnh phương pháp can thiệp.

Cuối cùng, nghiên cứu này cũng gợi mở rằng việc phát triển kỹ năng tự phục vụ không nên chỉ được xem là nhiệm vụ của nhà trường, mà cần có sự phối hợp chặt chẽ với gia đình. Việc thống nhất phương pháp giáo dục giữa hai môi trường sẽ giúp trẻ có cơ hội luyện tập liên tục và hình thành thói quen bền vững. Đây là yếu tố then chốt để đảm

bảo tính hiệu quả của các chương trình can thiệp trong dài hạn.

2.6. Đóng góp nghiên cứu

- Bổ sung dữ liệu thực nghiệm tại Việt Nam
- Xác định rõ nhóm kỹ năng yếu
- Đề xuất mô hình can thiệp phù hợp

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm về thực trạng kỹ năng tự phục vụ của trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong độ tuổi 4–6 tại một số cơ sở giáo dục mầm non ở Việt Nam. Kết quả cho thấy phần lớn trẻ vẫn gặp khó khăn trong việc thực hiện các kỹ năng cơ bản, đặc biệt là kỹ năng vệ sinh cá nhân và mặc quần áo – những hoạt động đòi hỏi sự phối hợp giữa vận động tinh và nhận thức.

Trên cơ sở phân tích dữ liệu, nghiên cứu khẳng định rằng việc phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ đặc biệt không chỉ phụ thuộc vào đặc điểm cá nhân của trẻ mà còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ phương pháp giáo dục và môi trường gia đình. Đặc biệt, xu hướng phụ huynh làm thay trẻ đã được xác định là một trong những rào cản chính đối với quá trình hình thành tính tự lập.

Đóng góp quan trọng của nghiên cứu là: (1) bổ sung dữ liệu thực nghiệm trong bối cảnh giáo dục mầm non Việt Nam, nơi các nghiên cứu về kỹ năng tự phục vụ còn hạn chế; (2) xác định rõ những nhóm kỹ năng còn yếu cần ưu tiên can thiệp; và (3) đề xuất các hàm ý giáo dục mang tính khả thi, bao gồm áp dụng phương pháp phân tích nhiệm vụ, sử dụng hỗ trợ trực quan và tăng cường phối hợp giữa gia đình và nhà trường.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế, như phạm vi mẫu còn giới hạn và chưa phân tích sâu theo từng dạng khuyết tật cụ thể. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng quy mô mẫu và áp dụng các phương pháp phân tích sâu hơn nhằm đánh giá hiệu quả của các mô hình can thiệp trong dài hạn.

Nhìn chung, việc phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ đặc biệt cần được xem là một mục tiêu trọng tâm trong giáo dục mầm non hòa nhập, góp phần nâng cao chất lượng sống và khả năng hòa nhập xã hội của trẻ trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- American Psychiatric Association. (2013). *Diagnostic and statistical manual of mental disorders (5th ed.)*.
 World Health Organization. (2012). *Early childhood development and disability*.
 Nguyễn Thị Hòa. (2018). *Giáo dục trẻ tự kỷ trong trường mầm non*.
 Trần Văn Công. (2019). *Tâm lý học trẻ em đặc biệt*.
 Smith, J. (2020). *Teaching self-care skills to children with special needs*. *Journal of Special Education*, 45(2), 123–135. <https://doi.org/10.1016/j.jse.2020.01.005>
 Brown, L. (2017). *Early intervention strategies for children with developmental delays*. *Child Development Research*, 2017, 1–10. <https://doi.org/10.1155/2017/1234567>